



LỊCH THI HỌC KỲ III (NĂM HỌC 2024-2025)
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
1	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094302	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	39	G604	7:30	6	11/07/2025	1	1-9		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
2	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094302	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	39	G601	7:30	6	11/07/2025	2	10-20		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
3	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094302	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	39	G602	7:30	6	11/07/2025	3	21-31		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
4	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094302	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	39	G603	7:30	6	11/07/2025	4	32-39		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
5	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094308	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	21	G608	7:30	6	11/07/2025	1	1-10		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
6	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094308	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	21	G605	7:30	6	11/07/2025	2	11-21		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
7	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094301	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	39	G601	9:30	6	11/07/2025	1	1-12		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
8	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094301	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	39	G602	9:30	6	11/07/2025	2	13-22		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
9	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094301	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	39	G603	9:30	6	11/07/2025	3	23-29		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
10	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094301	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	39	G604	9:30	6	11/07/2025	4	30-36		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
11	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094307	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	20	G605	9:30	6	11/07/2025	1	1-10		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
12	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094307	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	20	G608	9:30	6	11/07/2025	2	11-20		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
13	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094303	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	40	G601	12:30	6	11/07/2025	1	1-9		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
14	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094303	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	40	G605	12:30	6	11/07/2025	2	10-18		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
15	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094303	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	40	G608	12:30	6	11/07/2025	3	19-29		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
16	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094303	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	40	G609	12:30	6	11/07/2025	4	30-39		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
17	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094311	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	31	G608	14:30	6	11/07/2025	1	1-10		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
18	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094311	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	31	G605	14:30	6	11/07/2025	2	11-19		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
19	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094311	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	31	G601	14:30	6	11/07/2025	3	20-31		Thi theo danh sách của khoa gửi phòng Khảo thí
20	Công nghệ và hệ thống thông tin trong dịch vụ giao nhận	010100147301	23ĐHKVLD01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	71	G301	7:30	7	12/07/2025	1	1-35		
21	Công nghệ và hệ thống thông tin trong dịch vụ giao nhận	010100147301	23ĐHKVLD01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	71	G302	7:30	7	12/07/2025	2	36-71		
22	Công nghệ và hệ thống thông tin trong dịch vụ giao nhận	010100147302	23ĐHKVLD02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	70	G307	7:30	7	12/07/2025	1	1-35		
23	Công nghệ và hệ thống thông tin trong dịch vụ giao nhận	010100147302	23ĐHKVLD02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	70	G504	7:30	7	12/07/2025	2	36-70		
24	Business Operations Analysis	010100153501	23ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	22	G202	7:30	7	12/07/2025				
25	Tin học đại cương	011100000402	19ĐHĐT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	4	D02	7:30	7	12/07/2025				Ghép phòng

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
26	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1	011100142502	23ĐHKL03	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	29	G205	7:30	7	12/07/2025				Ghép phòng
27	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2	011100142601	23ĐHKL01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	50	G303	7:30	7	12/07/2025				
28	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2	011100142602	23ĐHKL02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	41	G113	7:30	7	12/07/2025				
29	Tin học	030100059401	20CDKL01	Khoa Công nghệ thông tin	Thực hành	3	5	D02	7:30	7	12/07/2025				Ghép phòng
30	Bảo hiểm vận tải	010100148002	23ĐHKVLD02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	71	G303	9:30	7	12/07/2025	1	1-40		
31	Bảo hiểm vận tải	010100148002	23ĐHKVLD02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	71	G301	9:30	7	12/07/2025	2	41-71		
32	Bảo hiểm vận tải	010100148003	23ĐHKVKH	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	48	G205	9:30	7	12/07/2025				
33	International Marketing	010100152001	23ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	23	G302	9:30	7	12/07/2025				
34	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 4	010100146405	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G204	12:30	7	12/07/2025				
35	Vận tải đa phương thức	010100147801	23ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	38	G303	12:30	7	12/07/2025				
36	Vận tải đa phương thức	010100147802	23ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	43	G304	12:30	7	12/07/2025				
37	Môi trường an ninh Hàng không toàn cầu	010100149501	23ĐHQTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	17	G301	12:30	7	12/07/2025				Ghép phòng
38	Air transport	010100160601	23FIATA	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	13	G302	12:30	7	12/07/2025				
39	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	011100017001	23DHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	2	50	G207	12:30	7	12/07/2025				
40	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	011100017002	23DHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	2	37	G407	12:30	7	12/07/2025				
41	Hệ thống thông tin nhân lực	010100138101	23ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G302	14:30	7	12/07/2025	1	1-30		
42	Hệ thống thông tin nhân lực	010100138101	23ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G204	14:30	7	12/07/2025	2	31-60		
43	Hệ thống thông tin nhân lực	010100138102	23ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	38	G303	14:30	7	12/07/2025				
44	Hệ thống thông tin nhân lực	010100138103	23ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	45	G304	14:30	7	12/07/2025				
45	Hệ thống thông tin nhân lực	010100138104	23ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	27	G504	14:30	7	12/07/2025				
46	Điều khiển logic khả trình PLC	011100088601	23DHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	54	G113	14:30	7	12/07/2025				
47	Điều khiển logic khả trình PLC	011100088602	23DHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	15	G301	14:30	7	12/07/2025				
48	An toàn hàng không	010100008101	23ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	66	G205	7:30	2	14/07/2025				
49	An toàn hàng không	010100008102	23ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	68	G203	7:30	2	14/07/2025	1	1-40		
50	An toàn hàng không	010100008102	23ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	68	G202	7:30	2	14/07/2025	2	41-68		
51	An toàn hàng không	010100008103	23ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	43	G204	7:30	2	14/07/2025				
52	An toàn hàng không	010100008105	23ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	66	G406	7:30	2	14/07/2025				
53	Nghe - Nói 6	010100092707	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G301	7:30	2	14/07/2025	1			
54	Nghe - Nói 6	010100092707	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G601	7:30	2	14/07/2025	2			

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
55	Nghe - Nói 6	010100092707	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G602	7:30	2	14/07/2025	3			
56	Nghe - Nói 6	010100092707	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G605	7:30	2	14/07/2025	4			
57	Hàng hóa nguy hiểm	010100148101	23ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	25	G302	7:30	2	14/07/2025				
58	Hàng hóa nguy hiểm	010100148102	23ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	56	G307	7:30	2	14/07/2025	1	1-30		
59	Hàng hóa nguy hiểm	010100148102	23ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	56	G504	7:30	2	14/07/2025	2	31-56		
60	Hàng hóa nguy hiểm	010100148103	23ĐHKVLD01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	51	G303	7:30	2	14/07/2025				
61	Hàng hóa nguy hiểm	010100148104	23ĐHKVLD02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	59	G608	7:30	2	14/07/2025	1	1-30		
62	Hàng hóa nguy hiểm	010100148104	23ĐHKVLD02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	59	G609	7:30	2	14/07/2025	2	31-59		
63	Aviation Safety	010100154001	23ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	22	G304	7:30	2	14/07/2025				
64	Nghe - Nói 6	010100092708	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G601	9:30	2	14/07/2025	1			
65	Nghe - Nói 6	010100092708	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G602	9:30	2	14/07/2025	2			
66	Nghe - Nói 6	010100092708	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G605	9:30	2	14/07/2025	3			
67	Nghe - Nói 6	010100092708	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G608	9:30	2	14/07/2025	4			
68	Chiến lược lập lịch bay và vận hành hãng hàng không	010100111001	23ĐHKVKH	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	62	G202	9:30	2	14/07/2025	1	1-30		
69	Chiến lược lập lịch bay và vận hành hãng hàng không	010100111001	23ĐHKVKH	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	62	G204	9:30	2	14/07/2025	2	31-62		
70	Customer relationship Management	010100155001	23ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	22	G301	9:30	2	14/07/2025				
71	Marine Container	010100160401	22FIATA	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	14	G302	9:30	2	14/07/2025				
72	Marine Container	010100160402	23FIATA	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	13	G504	9:30	2	14/07/2025				
73	Truyền động-tự động thủy khí	011100073201	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	49	G303	9:30	2	14/07/2025				
74	Truyền động-tự động thủy khí	011100073202	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	57	G308	9:30	2	14/07/2025	1	1-30		
75	Truyền động-tự động thủy khí	011100073202	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	57	G408	9:30	2	14/07/2025	2	31-57		
76	Truyền động-tự động thủy khí	011100073203	23ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	36	G304	9:30	2	14/07/2025				
77	Môi trường và an toàn lao động	011100138701	23ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	2	11	G307	9:30	2	14/07/2025				
78	Liên lạc và giám sát theo tình năng	011100142901	23ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	2	50	G203	9:30	2	14/07/2025				
79	Liên lạc và giám sát theo tình năng	011100142902	23ĐHKL03	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	2	50	G205	9:30	2	14/07/2025				
80	Nghe - Nói 6	010100092710	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	31	G601	12:30	2	14/07/2025	1			
81	Nghe - Nói 6	010100092710	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	31	G604	12:30	2	14/07/2025	2			
82	Nghe - Nói 6	010100092710	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	31	G605	12:30	2	14/07/2025	3			
83	Multimodal Transport	010100161001	22FIATA	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	14	G307	12:30	2	14/07/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
84	Pháp luật đại cương	011100000301	23ĐHĐT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	62	G501	12:30	2	14/07/2025	1	1-30		
85	Pháp luật đại cương	011100000301	23ĐHĐT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	62	G502	12:30	2	14/07/2025	2	31-62		
86	Pháp luật đại cương	011100000302	23DHTĐ01; 23DHTĐ02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	37	G113	12:30	2	14/07/2025				
87	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	011100049001	23ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	2	50	G204	12:30	2	14/07/2025				
88	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	011100049002	23ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	2	30	G308	12:30	2	14/07/2025				
89	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	011100049003	23ĐHKL03	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	2	49	G207	12:30	2	14/07/2025				
90	Thiết kế kết cấu nhà thép	011100130001	23ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	11	G504	12:30	2	14/07/2025				
91	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	010100022601	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	59	G406	14:30	2	14/07/2025				
92	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	010100022603	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	60	G202	14:30	2	14/07/2025	1	1-30		
93	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	010100022603	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	60	G307	14:30	2	14/07/2025	2	31-60		
94	Tiếng Anh thương mại 2	010100094701	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	40	G113	14:30	2	14/07/2025				
95	Tiếng Anh thương mại 2	010100094702	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	40	G204	14:30	2	14/07/2025				
96	Tiếng Anh thương mại 2	010100094703	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	39	G304	14:30	2	14/07/2025				
97	Tiếng Anh thương mại 2	010100094704	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	40	H002	14:30	2	14/07/2025	1	1-20		
98	Tiếng Anh thương mại 2	010100094704	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	40	H003	14:30	2	14/07/2025	2	21-40		
99	Tiếng Anh thương mại 2	010100094705	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	27	G504	14:30	2	14/07/2025				
100	Tiếng Anh thương mại 2	010100094706	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	34	G601	14:30	2	14/07/2025				
101	Tiếng Anh Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 2	010100095702	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	9	G604	14:30	2	14/07/2025				
102	Hạ tầng và công nghệ đảm bảo an ninh hàng không	010100150601	23ĐHQTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	19	G605	14:30	2	14/07/2025				
103	Enterprise Risk Management	010100155201	23ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	23	G608	14:30	2	14/07/2025				
104	Quản trị tài sản cảng hàng không - sân bay	011100197001	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	2	20	G609	14:30	2	14/07/2025				
105	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001601	23ĐHNADL; 23ĐHNATM1; 23ĐHNATM2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	107	G113	16:30	2	14/07/2025	1	1-50		
106	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001601	23ĐHNADL; 23ĐHNATM1; 23ĐHNATM2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	107	G204	16:30	2	14/07/2025	2	51-107		
107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001602	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	84	G207	16:30	2	14/07/2025	1	1-40		
108	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001602	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	84	G303	16:30	2	14/07/2025	2	41-84		
109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001603	23ĐHNAHK1; 23ĐHNAHK2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	51	G304	16:30	2	14/07/2025				
110	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	011100018801	22ĐHKL02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	62	G302	16:30	2	14/07/2025	1	1-30		
111	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	011100018801	22ĐHKL02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	62	G201	16:30	2	14/07/2025	2	31-62		
112	Kế toán doanh nghiệp hàng không	011100196901	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm	3	20	G307	16:30	2	14/07/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
113	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	010100018101	23ĐHQTC1	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	54	G113	7:30	3	15/07/2025				
114	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	010100018102	23ĐHQTC2	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	55	G204	7:30	3	15/07/2025				
115	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	010100018103	23ĐHQTC3	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	63	G201	7:30	3	15/07/2025	1	1-30		
116	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	010100018103	23ĐHQTC3	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	63	G301	7:30	3	15/07/2025	2	31-63		
117	An toàn và bảo mật thông tin	010100087501	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	63	G202	7:30	3	15/07/2025	1	1-30		
118	An toàn và bảo mật thông tin	010100087501	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	63	G307	7:30	3	15/07/2025	2	31-63		
119	An toàn và bảo mật thông tin	010100087502	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	61	G504	7:30	3	15/07/2025	1	1-30		
120	An toàn và bảo mật thông tin	010100087502	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	61	G601	7:30	3	15/07/2025	2	31-61		
121	Nghe - Nói 6	010100092704	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	34	G603	7:30	3	15/07/2025	1			
122	Nghe - Nói 6	010100092704	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	34	G605	7:30	3	15/07/2025	2			
123	Nghe - Nói 6	010100092704	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	34	G609	7:30	3	15/07/2025	3			
124	Nghe - Nói 6	010100092704	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	34	H001	7:30	3	15/07/2025	4			
125	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	010100141701	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G303	7:30	3	15/07/2025				
126	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	010100141702	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	35	G406	7:30	3	15/07/2025				
127	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	010100141703	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	58	G205	7:30	3	15/07/2025				
128	Sea transport	010100160301	23FIATA	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	13	H002	7:30	3	15/07/2025				
129	Nghe - Nói 6	010100092705	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	9:30	3	15/07/2025	1			
130	Nghe - Nói 6	010100092705	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	9:30	3	15/07/2025	2			
131	Nghe - Nói 6	010100092705	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G605	9:30	3	15/07/2025	3			
132	Nghe - Nói 6	010100092705	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G609	9:30	3	15/07/2025	4			
133	Đào tạo và phát triển	010100119201	23ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G205	9:30	3	15/07/2025				
134	Đào tạo và phát triển	010100119202	23ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G406	9:30	3	15/07/2025				
135	Đào tạo và phát triển	010100119203	23ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	37	G113	9:30	3	15/07/2025				
136	Đào tạo và phát triển	010100119204	23ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	33	G201	9:30	3	15/07/2025				
137	Vận chuyển Hàng hoá bằng đường Thuỷ nội địa	010100147601	23ĐHKVLĐ01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	40	H001	9:30	3	15/07/2025	1	1-20		
138	Vận chuyển Hàng hoá bằng đường Thuỷ nội địa	010100147601	23ĐHKVLĐ01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	40	H002	9:30	3	15/07/2025	2	21-40		
139	Vận chuyển Hàng hoá bằng đường Thuỷ nội địa	010100147602	23ĐHKVLĐ02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	70	G504	9:30	3	15/07/2025	1	1-35		
140	Vận chuyển Hàng hoá bằng đường Thuỷ nội địa	010100147602	23ĐHKVLĐ02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	70	H003	9:30	3	15/07/2025	2	36-70		
141	Road & Rail transport	010100160901	22FIATA	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	14	G202	9:30	3	15/07/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
142	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không	011100033001	23ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	2	47	G204	9:30	3	15/07/2025				
143	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không	011100033002	23ĐHKL03	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	2	32	G301	9:30	3	15/07/2025				
144	Khai thác và quản lý tàu bay	011100046702	22ĐHKT02	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	3	34	G303	9:30	3	15/07/2025				
145	Khai thác thương mại tàu bay	010100013701	23ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	41	G203	12:30	3	15/07/2025				
146	Khai thác thương mại tàu bay	010100013702	23ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	61	G205	12:30	3	15/07/2025				
147	Nghe - Nói 6	010100092706	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	G601	12:30	3	15/07/2025	1			
148	Nghe - Nói 6	010100092706	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	G602	12:30	3	15/07/2025	2			
149	Nghe - Nói 6	010100092706	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	G604	12:30	3	15/07/2025	3			
150	Nghe - Nói 6	010100092706	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	G605	12:30	3	15/07/2025	4			
151	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	011100003901	23ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Tự luận	3	51	G204	12:30	3	15/07/2025				
152	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	011100003902	23ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Tự luận	3	50	G304	12:30	3	15/07/2025				
153	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	011100003903	23ĐHKL03	Khoa Khai thác hàng không	Tự luận	3	47	G407	12:30	3	15/07/2025				
154	Hệ thống viễn thông	011100015601	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	35	G202	12:30	3	15/07/2025				
155	Tổ chức giao thông trong sân bay	011100129001	23ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	2	11	G504	12:30	3	15/07/2025				
156	Dịch vụ kiểm soát đường dài	030100067601	23CĐKL01	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	3	21	H002	12:30	3	15/07/2025				
157	Marketing du lịch	010100021401	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	53	G202	14:30	3	15/07/2025				
158	Marketing du lịch	010100021402	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	55	G204	14:30	3	15/07/2025				
159	Marketing du lịch	010100021403	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	49	G203	14:30	3	15/07/2025				
160	Kiểm chứng phần mềm	010100086601	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	58	G205	14:30	3	15/07/2025				Ghép phòng
161	Kiểm chứng phần mềm	010100086602	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	64	G302	14:30	3	15/07/2025	1	1-32		
162	Kiểm chứng phần mềm	010100086602	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	64	G307	14:30	3	15/07/2025	2	33-64		
163	Kiểm chứng phần mềm	010100086603	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	64	G504	14:30	3	15/07/2025	1	1-32		
164	Kiểm chứng phần mềm	010100086603	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	64	G601	14:30	3	15/07/2025	2	33-64		
165	Vận tải và giao nhận hàng hoá	010100146901	23ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	20	G602	14:30	3	15/07/2025				
166	Vận tải và giao nhận hàng hoá	010100146902	23ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	40	G304	14:30	3	15/07/2025				
167	Kết cấu Hàng không 2	011100105601	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	70	G605	14:30	3	15/07/2025	1	1-35		
168	Kết cấu Hàng không 2	011100105601	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	70	G608	14:30	3	15/07/2025	2	36-70		
169	Kết cấu Hàng không 2	011100105602	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	52	H002	14:30	3	15/07/2025	1	1-25		
170	Kết cấu Hàng không 2	011100105602	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	52	G609	14:30	3	15/07/2025	2	26-52		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
171	Kết cấu Hàng không 2	011100105603	23ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	21	H001	14:30	3	15/07/2025				
172	Tổng quan về cầu dẫn cảng hàng không - sân bay	011100197301	23ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	11	G604	14:30	3	15/07/2025				
173	Luật du lịch	010100124301	23ĐHDL01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	56	G302	16:30	3	15/07/2025	1	1-30		
174	Luật du lịch	010100124301	23ĐHDL01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	56	G307	16:30	3	15/07/2025	2	31-56		
175	Luật du lịch	010100124302	23ĐHDL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	56	G601	16:30	3	15/07/2025	1	1-30		
176	Luật du lịch	010100124302	23ĐHDL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	56	G602	16:30	3	15/07/2025	2	31-56		
177	Luật du lịch	010100124303	23ĐHDL03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	40	G608	16:30	3	15/07/2025				
178	Lập kế hoạch kinh doanh	010100138501	23ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G406	16:30	3	15/07/2025				
179	Lập kế hoạch kinh doanh	010100138503	23ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G205	16:30	3	15/07/2025				
180	Lập kế hoạch kinh doanh	010100138504	23ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	30	G301	16:30	3	15/07/2025				
181	Vận chuyển hàng hoá bằng đường biển	010100147401	23ĐHKVLD01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	70	G609	16:30	3	15/07/2025	1	1-35		
182	Vận chuyển hàng hoá bằng đường biển	010100147401	23ĐHKVLD01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	70	H003	16:30	3	15/07/2025	2	36-70		
183	Vận chuyển hàng hoá bằng đường biển	010100147402	23ĐHKVLD02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	50	H001	16:30	3	15/07/2025	1	1-25		
184	Vận chuyển hàng hoá bằng đường biển	010100147402	23ĐHKVLD02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	50	H002	16:30	3	15/07/2025	2	26-50		
185	Thông tin quang	011100015401	22ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	33	G202	16:30	3	15/07/2025				
186	Thông tin quang	011100015402	22ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	54	G303	16:30	3	15/07/2025				
187	Quản lý không lưu	011100102501	22ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	4	39	G304	16:30	3	15/07/2025				Ghép phòng
188	Quản lý không lưu	011100102502	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	4	60	G603	16:30	3	15/07/2025	1	1-30		
189	Quản lý không lưu	011100102502	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	4	60	G605	16:30	3	15/07/2025	2	31-60		
190	Quản trị dự án CNTT	010100086101	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	45	G205	7:30	4	16/07/2025				
191	Quản trị dự án CNTT	010100086102	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	58	G406	7:30	4	16/07/2025				
192	Quản trị dự án CNTT	010100086103	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	59	G301	7:30	4	16/07/2025	1	1-30		
193	Quản trị dự án CNTT	010100086103	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	59	G302	7:30	4	16/07/2025	2	31-59		
194	Quản trị dự án CNTT	010100086104	23ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	62	G504	7:30	4	16/07/2025	1	1-30		
195	Quản trị dự án CNTT	010100086104	23ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	62	G608	7:30	4	16/07/2025	2	31-62		
196	Quản trị dự án CNTT	010100086105	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	62	H001	7:30	4	16/07/2025	1	1-30		
197	Quản trị dự án CNTT	010100086105	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	62	H002	7:30	4	16/07/2025	2	31-62		
198	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	010100092201	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	28	G201	7:30	4	16/07/2025				
199	Nghe - Nói 6	010100092701	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	G601	7:30	4	16/07/2025	1			

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
200	Nghe - Nói 6	010100092701	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	G603	7:30	4	16/07/2025	2			
201	Nghe - Nói 6	010100092701	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	G604	7:30	4	16/07/2025	3			
202	Nghe - Nói 6	010100092701	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	G605	7:30	4	16/07/2025	4			
203	Tiếng Anh 4	010100112002	23ĐHDL02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	42	G204	7:30	4	16/07/2025			Nghe	
204	Dịch vụ kiểm soát tại sân	011100074301	23ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	3	50	G207	7:30	4	16/07/2025				
205	Dịch vụ kiểm soát tại sân	011100074302	23ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	3	42	G407	7:30	4	16/07/2025				
206	Dịch vụ kiểm soát tại sân	011100074303	23ĐHKL03	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	3	50	G303	7:30	4	16/07/2025				
207	Quản trị mạng	010100086001	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	30	G201	9:30	4	16/07/2025				
208	Quản trị mạng	010100086002	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G205	9:30	4	16/07/2025				
209	Quản trị mạng	010100086003	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	40	G608	9:30	4	16/07/2025				
210	Quản trị mạng	010100086004	23ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G406	9:30	4	16/07/2025				
211	Quản trị mạng	010100086005	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	59	G301	9:30	4	16/07/2025	1	1-30		
212	Quản trị mạng	010100086005	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	59	G302	9:30	4	16/07/2025	2	31-59		
213	Nghe - Nói 6	010100092702	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	47	G601	9:30	4	16/07/2025	1			
214	Nghe - Nói 6	010100092702	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	47	G603	9:30	4	16/07/2025	2			
215	Nghe - Nói 6	010100092702	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	47	G504	9:30	4	16/07/2025	3			
216	Nghe - Nói 6	010100092702	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	47	G604	9:30	4	16/07/2025	4			
217	Nghe - Nói 6	010100092702	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	47	G605	9:30	4	16/07/2025	5			
218	Tiếng Anh 4	010100112002	23ĐHDL02	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	42	G204	9:30	4	16/07/2025			Viết	
219	Hệ thống quản lý an toàn HK	011100050801	22ĐHKT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	62	G303	9:30	4	16/07/2025	1	1-30		
220	Hệ thống quản lý an toàn HK	011100050801	22ĐHKT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	62	G207	9:30	4	16/07/2025	2	31-62		
221	Pháp luật về hàng không	010100001301	23ĐHKVKH	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	70	G207	12:30	4	16/07/2025	1	1-45		
222	Pháp luật về hàng không	010100001301	23ĐHKVKH	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	70	G308	12:30	4	16/07/2025	2	46-70		
223	Quản trị sự thay đổi	010100025801	23ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	33	G301	12:30	4	16/07/2025				
224	Quản trị sự thay đổi	010100025802	23ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G406	12:30	4	16/07/2025				
225	Quản trị sự thay đổi	010100025803	23ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	31	G302	12:30	4	16/07/2025				
226	Quản trị sự thay đổi	010100025804	23ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	40	G205	12:30	4	16/07/2025				
227	Nghe - Nói 6	010100092703	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	38	G602	12:30	4	16/07/2025	1			
228	Nghe - Nói 6	010100092703	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	38	G603	12:30	4	16/07/2025	2			

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
229	Nghe - Nói 6	010100092703	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	38	G604	12:30	4	16/07/2025	3			
230	Nghe - Nói 6	010100092703	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	38	G609	12:30	4	16/07/2025	4			
231	Tiếng Anh 4	010100112002	23ĐHDL02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	42	G204	12:30	4	16/07/2025			Đọc	
232	Commercial Aircraft Operation	010100154601	23ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	21	H001	12:30	4	16/07/2025				
233	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng	010100157701	23ĐHKVLQ1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	46	G304	12:30	4	16/07/2025				
234	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng	010100157702	23ĐHKVLQ2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	27	G504	12:30	4	16/07/2025				
235	Quản lý nguồn nhân lực cảng hàng không - sân bay	011100197101	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	20	G601	12:30	4	16/07/2025				
236	Quản trị rủi ro	010100012101	23ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	62	G406	14:30	4	16/07/2025				
237	Quản trị rủi ro	010100012102	23ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	45	G204	14:30	4	16/07/2025				
238	Quản trị rủi ro	010100012103	23ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	62	G205	14:30	4	16/07/2025				
239	Quản trị rủi ro	010100012104	23ĐHQTKQ1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	62	G408	14:30	4	16/07/2025	1	1-30		
240	Quản trị rủi ro	010100012104	23ĐHQTKQ1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	62	G505	14:30	4	16/07/2025	2	31-62		
241	Quản trị rủi ro	010100012105	23ĐHQTKQ2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	62	G304	14:30	4	16/07/2025	1	1-30		
242	Quản trị rủi ro	010100012105	23ĐHQTKQ2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	62	G609	14:30	4	16/07/2025	2	31-62		
243	Quản trị rủi ro	010100012106	23ĐHQTTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	66	G407	14:30	4	16/07/2025	1	1-33		
244	Quản trị rủi ro	010100012106	23ĐHQTTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	66	G308	14:30	4	16/07/2025	2	34-66		
245	Quản trị rủi ro	010100012108	23ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	31	G301	14:30	4	16/07/2025				
246	Quản trị rủi ro	010100012109	23ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	50	G207	14:30	4	16/07/2025				
247	Tiếng Anh 4	010100112002	23ĐHDL02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G601	14:30	4	16/07/2025	1	1-08	Nói	
248	Tiếng Anh 4	010100112002	23ĐHDL02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G602	14:30	4	16/07/2025	2	09-16	Nói	
249	Tiếng Anh 4	010100112002	23ĐHDL02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G603	14:30	4	16/07/2025	3	17-24	Nói	
250	Tiếng Anh 4	010100112002	23ĐHDL02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G604	14:30	4	16/07/2025	4	25-32	Nói	
251	Tiếng Anh 4	010100112002	23ĐHDL02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G504	14:30	4	16/07/2025	5	33-42	Nói	
252	Ứng phó tình huống khẩn cấp tại cảng hàng không - sân bay	011100197201	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	2	22	G302	14:30	4	16/07/2025				
253	Quản trị tiền lương	010100119601	23ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G205	16:30	4	16/07/2025				
254	Quản trị tiền lương	010100119602	23ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G601	16:30	4	16/07/2025	1	1-30		
255	Quản trị tiền lương	010100119602	23ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G602	16:30	4	16/07/2025	2	31-60		
256	Quản trị tiền lương	010100119603	23ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	36	G202	16:30	4	16/07/2025				
257	Quản trị tiền lương	010100119604	23ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	26	G302	16:30	4	16/07/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
258	Vận chuyển Hàng hoá bằng Container	010100147501	23ĐHKVLD01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	62	G303	16:30	4	16/07/2025	1	1-30		
259	Vận chuyển Hàng hoá bằng Container	010100147501	23ĐHKVLD01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	62	G504	16:30	4	16/07/2025	2	31-62		
260	Vận chuyển Hàng hoá bằng Container	010100147502	23ĐHKVLD02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	62	G204	16:30	4	16/07/2025	1	1-32		
261	Vận chuyển Hàng hoá bằng Container	010100147502	23ĐHKVLD02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	62	G603	16:30	4	16/07/2025	2	33-62		
262	Động cơ piston và cánh quạt	011100132701	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	68	G604	16:30	4	16/07/2025	1	1-35		
263	Động cơ piston và cánh quạt	011100132701	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	68	G605	16:30	4	16/07/2025	2	36-68		
264	Động cơ piston và cánh quạt	011100132702	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	63	G608	16:30	4	16/07/2025	1	1-32		
265	Động cơ piston và cánh quạt	011100132702	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	63	G609	16:30	4	16/07/2025	2	33-63		
266	Động cơ piston và cánh quạt	011100132703	23ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	12	H001	16:30	4	16/07/2025				
267	Đọc - Viết 6	010100093201	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	42	G302	7:30	5	17/07/2025	1	1-20		
268	Đọc - Viết 6	010100093201	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	42	G504	7:30	5	17/07/2025	2	21-42		
269	Đọc - Viết 6	010100093202	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G603	7:30	5	17/07/2025	1	1-20		
270	Đọc - Viết 6	010100093202	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G604	7:30	5	17/07/2025	2	21-40		
271	Đọc - Viết 6	010100093203	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	29	G202	7:30	5	17/07/2025				
272	Đọc - Viết 6	010100093204	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	42	G205	7:30	5	17/07/2025				
273	Đọc - Viết 6	010100093205	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	41	G601	7:30	5	17/07/2025	1	1-20		
274	Đọc - Viết 6	010100093205	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	41	G602	7:30	5	17/07/2025	2	21-41		
275	Đọc - Viết 6	010100093207	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G304	7:30	5	17/07/2025				
276	Đọc - Viết 6	010100093208	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G608	7:30	5	17/07/2025				
277	Đọc - Viết 6	010100093209	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	42	G406	7:30	5	17/07/2025				
278	Đọc - Viết 6	010100093211	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G303	7:30	5	17/07/2025				
279	Tiếng Anh 3	011100111902	23ĐHTĐ01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	39	G609	7:30	5	17/07/2025				
280	Tiếng Anh 3	011100111903	23ĐHTĐ01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	38	H003	7:30	5	17/07/2025				
281	Tiếng Anh 4 - English 4	030100112001	23CĐAN01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	47	G203	7:30	5	17/07/2025			Đọc	
282	Thư tín thương mại	010100094801	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G303	9:30	5	17/07/2025				
283	Thư tín thương mại	010100094803	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	42	G304	9:30	5	17/07/2025				
284	Thư tín thương mại	010100094804	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	43	G205	9:30	5	17/07/2025				
285	Thư tín thương mại	010100094805	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G406	9:30	5	17/07/2025				
286	Thư tín thương mại	010100094806	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	29	G604	9:30	5	17/07/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
287	Quản trị sáng tạo và đổi mới	010100145401	23ĐHQTTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	66	G302	9:30	5	17/07/2025	1	1-33		
288	Quản trị sáng tạo và đổi mới	010100145401	23ĐHQTTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	66	G504	9:30	5	17/07/2025	2	34-66		
289	Quản trị sáng tạo và đổi mới	010100145402	23ĐHQTTTH2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	66	G601	9:30	5	17/07/2025	1	1-33		
290	Quản trị sáng tạo và đổi mới	010100145402	23ĐHQTTTH2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	66	G602	9:30	5	17/07/2025	2	34-66		
291	Quản trị sáng tạo và đổi mới	010100145403	23ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	66	G603	9:30	5	17/07/2025	1	1-33		
292	Quản trị sáng tạo và đổi mới	010100145403	23ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	66	G202	9:30	5	17/07/2025	2	34-66		
293	Quản trị sáng tạo và đổi mới	010100145404	23ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	69	G608	9:30	5	17/07/2025	1	1-35		
294	Quản trị sáng tạo và đổi mới	010100145404	23ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	69	G609	9:30	5	17/07/2025	2	36-69		
295	Tiếng Anh 3	011100111901	23ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	H003	9:30	5	17/07/2025				
296	Tiếng Anh 3	011100111904	23ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	H001	9:30	5	17/07/2025	1	1-20		
297	Tiếng Anh 3	011100111904	23ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	H002	9:30	5	17/07/2025	2	21-40		
298	Tiếng Anh 4 - English 4	030100112001	23CBAN01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	47	G203	9:30	5	17/07/2025			Viết	
299	Quản trị tài chính	010100017101	23ĐHKVLQ1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	45	G303	12:30	5	17/07/2025				
300	Quản trị tài chính	010100017102	23ĐHKVLQ2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	47	G406	12:30	5	17/07/2025				
301	Cú pháp học	010100121601	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	41	G608	12:30	5	17/07/2025	1	1-20		
302	Cú pháp học	010100121601	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	41	G609	12:30	5	17/07/2025	2	21-41		
303	Cú pháp học	010100121602	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	40	G202	12:30	5	17/07/2025				
304	Cú pháp học	010100121603	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	26	H003	12:30	5	17/07/2025				
305	Cú pháp học	010100121605	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	32	G301	12:30	5	17/07/2025				
306	Cú pháp học	010100121606	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	40	G603	12:30	5	17/07/2025	1	1-20		
307	Cú pháp học	010100121606	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	40	G605	12:30	5	17/07/2025	2	21-40		
308	Cú pháp học	010100121607	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	37	G307	12:30	5	17/07/2025				
309	Cú pháp học	010100121609	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	21	H001	12:30	5	17/07/2025				
310	Cú pháp học	010100121610	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	28	H002	12:30	5	17/07/2025				
311	Cú pháp học	010100121611	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	22	G504	12:30	5	17/07/2025				
312	Tiếng Anh 4 - English 4	030100112001	23CBAN01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	47	G203	12:30	5	17/07/2025			Nghe	
313	Nghiệp vụ Giao nhận và khai báo hải quan	010100110701	23ĐHKVKH	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	69	H003	14:30	5	17/07/2025	1	1-35		
314	Nghiệp vụ Giao nhận và khai báo hải quan	010100110701	23ĐHKVKH	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	69	H002	14:30	5	17/07/2025	2	36-69		
315	Quản trị sáng tạo và đổi mới	010100145405	23ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	55	G303	14:30	5	17/07/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
316	Quản trị sáng tạo và đổi mới	010100145407	23ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	66	G202	14:30	5	17/07/2025	1	1-33		
317	Quản trị sáng tạo và đổi mới	010100145407	23ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	66	G301	14:30	5	17/07/2025	2	34-66		
318	Quản trị sáng tạo và đổi mới	010100145408	23ĐHQTTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	65	G406	14:30	5	17/07/2025				
319	Tiếng Anh 4 - English 4	030100112001	23CĐAN01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	47	G504	14:30	5	17/07/2025	1	1-08	Nói	
320	Tiếng Anh 4 - English 4	030100112001	23CĐAN01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	47	G603	14:30	5	17/07/2025	2	09-16	Nói	
321	Tiếng Anh 4 - English 4	030100112001	23CĐAN01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	47	G608	14:30	5	17/07/2025	3	17-24	Nói	
322	Tiếng Anh 4 - English 4	030100112001	23CĐAN01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	47	G605	14:30	5	17/07/2025	4	25-32	Nói	
323	Tiếng Anh 4 - English 4	030100112001	23CĐAN01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	47	G307	14:30	5	17/07/2025	5	33-40	Nói	
324	Tiếng Anh 4 - English 4	030100112001	23CĐAN01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	47	G609	14:30	5	17/07/2025	6	41-47	Nói	
325	Thương mại điện tử	010100070801	23ĐHQTTTH1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	60	G302	16:30	5	17/07/2025	1	1-30		
326	Thương mại điện tử	010100070801	23ĐHQTTTH1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	60	G307	16:30	5	17/07/2025	2	31-60		
327	Thương mại điện tử	010100070802	23ĐHQTTTH2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	60	G406	16:30	5	17/07/2025				
328	Thương mại điện tử	010100070803	23ĐHQTKQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	60	G205	16:30	5	17/07/2025				
329	Thương mại điện tử	010100070804	23ĐHQTKQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	62	G201	16:30	5	17/07/2025	1	1-30		
330	Thương mại điện tử	010100070804	23ĐHQTKQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	62	G202	16:30	5	17/07/2025	2	31-62		
331	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1	010100122301	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	33	G601	16:30	5	17/07/2025				
332	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1	010100122302	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	39	G303	16:30	5	17/07/2025				
333	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1	010100122303	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	42	G204	16:30	5	17/07/2025				
334	Các hệ thống trên tàu bay 2	011100054201	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	4	34	G308	16:30	5	17/07/2025				
335	Các hệ thống trên tàu bay 2	011100054202	22ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	4	50	G113	16:30	5	17/07/2025				
336	Tổng quan về Hàng không dân dụng	030100000101	23CĐAN01	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	27	G408	16:30	5	17/07/2025				
337	Quản lý hoạt động bay	030100006501	23CĐKL01	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	4	22	G501	16:30	5	17/07/2025				
338	Marketing căn bản	010100010601	22ĐHQTTTH	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	13	G307	7:30	6	18/07/2025				Ghép phòng
339	Tiếng Anh 4	010100112001	23ĐHDL01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm	3	40	G204	7:30	6	18/07/2025			Nghe	
340	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	010100132210	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	46	G207	7:30	6	18/07/2025				
341	Khí động học 2	011100105801	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	61	G504	7:30	6	18/07/2025	1	1-30		
342	Khí động học 2	011100105801	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	61	G601	7:30	6	18/07/2025	2	31-61		
343	Khí động học 2	011100105802	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	64	G303	7:30	6	18/07/2025	1	1-32		
344	Khí động học 2	011100105802	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	64	G304	7:30	6	18/07/2025	2	33-64		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
345	Khí động học 2	011100105803	23ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	18	G602	7:30	6	18/07/2025				Thi đề Tiếng Anh
346	Sử dụng hệ thống giám sát trong công tác điều hành bay	030100064801	23CĐKL01	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	4	21	G308	7:30	6	18/07/2025				
347	Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 1	030100099601	22CĐKL01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	1	G307	7:30	6	18/07/2025				Ghép phòng
348	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011701	23ĐHQTTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G601	9:30	6	18/07/2025	1	1-30		
349	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011701	23ĐHQTTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G505	9:30	6	18/07/2025	2	31-60		
350	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011702	23ĐHQTTTH2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G502	9:30	6	18/07/2025	1	1-30		
351	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011702	23ĐHQTTTH2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G408	9:30	6	18/07/2025	2	31-60		
352	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011703	23ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G407	9:30	6	18/07/2025	1	1-30		
353	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011703	23ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G304	9:30	6	18/07/2025	2	31-60		
354	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011705	23ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G303	9:30	6	18/07/2025	1	1-30		
355	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011705	23ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G207	9:30	6	18/07/2025	2	31-60		
356	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011706	23ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G406	9:30	6	18/07/2025				
357	Tiếng Anh Nghiệp vụ Nhà hàng Khách sạn	010100095802	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	9	G307	9:30	6	18/07/2025				
358	Tiếng Anh 4	010100112001	23ĐHDL01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G204	9:30	6	18/07/2025			Đọc	
359	Thiết kế và tổ chức vùng trời	011100029301	22ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G205	9:30	6	18/07/2025				
360	Thiết kế và tổ chức vùng trời	011100029302	22ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	3	39	G308	9:30	6	18/07/2025				
361	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	011100071501	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	36	G504	9:30	6	18/07/2025				
362	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	011100071502	22ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	50	G602	9:30	6	18/07/2025	1	1-25		
363	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	011100071502	22ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	50	G603	9:30	6	18/07/2025	2	26-50		
364	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011707	23ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G207	12:30	6	18/07/2025	1	1-30		
365	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011707	23ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G304	12:30	6	18/07/2025	2	31-60		
366	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011708	23ĐHQTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G407	12:30	6	18/07/2025	1	1-30		
367	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011708	23ĐHQTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G502	12:30	6	18/07/2025	2	31-60		
368	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011709	23ĐHQTKQ1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G503	12:30	6	18/07/2025	1	1-30		
369	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011709	23ĐHQTKQ1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G505	12:30	6	18/07/2025	2	31-60		
370	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011710	23ĐHQTKQ2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G406	12:30	6	18/07/2025				
371	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100109101	22ĐHKV01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	9	G302	12:30	6	18/07/2025				Ghép phòng
372	Tiếng Anh 4	010100112001	23ĐHDL01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G204	12:30	6	18/07/2025			Viết	
373	Truyền số liệu và mạng máy tính	011100015701	21ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	23	G601	12:30	6	18/07/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
374	Thiết kế phương thức bay	011100081801	22ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	4	60	G205	12:30	6	18/07/2025				
375	Bảo trì cơ sở hạ tầng cảng hàng không - sân bay	011100196701	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	20	G504	12:30	6	18/07/2025				
376	Nghiệp vụ giao nhận và khai báo hải quan	030100110701	21CBTM01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	1	G302	12:30	6	18/07/2025				Ghép phòng
377	Tiếng Anh 4	010100112001	23ĐHDL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G605	14:30	6	18/07/2025	1	1-08	Nói	
378	Tiếng Anh 4	010100112001	23ĐHDL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G608	14:30	6	18/07/2025	2	09-16	Nói	
379	Tiếng Anh 4	010100112001	23ĐHDL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G504	14:30	6	18/07/2025	3	17-24	Nói	
380	Tiếng Anh 4	010100112001	23ĐHDL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G609	14:30	6	18/07/2025	4	25-32	Nói	
381	Tiếng Anh 4	010100112001	23ĐHDL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	H001	14:30	6	18/07/2025	5	33-40	Nói	
382	Quản trị quan hệ khách hàng	010100150101	23ĐHQTTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G205	14:30	6	18/07/2025				
383	Quản trị quan hệ khách hàng	010100150102	23ĐHQTTTH2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G406	14:30	6	18/07/2025				
384	Quản trị quan hệ khách hàng	010100150103	23ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G204	14:30	6	18/07/2025	1	1-30		
385	Quản trị quan hệ khách hàng	010100150103	23ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G302	14:30	6	18/07/2025	2	31-60		
386	Quản trị quan hệ khách hàng	010100150108	23ĐHQTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G304	14:30	6	18/07/2025	1	1-30		
387	Quản trị quan hệ khách hàng	010100150108	23ĐHQTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G601	14:30	6	18/07/2025	2	31-60		
388	Vận hành khai thác cảng hàng không- sân bay	011100196801	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	20	H002	14:30	6	18/07/2025				
389	Quản trị dự án	010100011201	22ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	63	G205	16:30	6	18/07/2025				
390	Kinh tế quốc tế	010100030201	22ĐHQTTTH	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	32	G308	16:30	6	18/07/2025				
391	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1	010100095301	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G113	16:30	6	18/07/2025				
392	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1	010100095302	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	39	G601	16:30	6	18/07/2025	1	1-20		
393	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1	010100095302	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	39	G602	16:30	6	18/07/2025	2	21-39		
394	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1	010100095303	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G504	16:30	6	18/07/2025				
395	Quản trị kinh doanh lưu hành	010100123401	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	55	G406	16:30	6	18/07/2025				
396	Quản trị kinh doanh lưu hành	010100123402	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G603	16:30	6	18/07/2025	1	1-30		
397	Quản trị kinh doanh lưu hành	010100123402	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G604	16:30	6	18/07/2025	2	31-56		
398	Quản trị kinh doanh lưu hành	010100123403	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	40	G605	16:30	6	18/07/2025	1	1-20		
399	Quản trị kinh doanh lưu hành	010100123403	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	40	G609	16:30	6	18/07/2025	2	21-40		
400	Quản trị quan hệ khách hàng	010100150105	23ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G201	16:30	6	18/07/2025	1	1-30		
401	Quản trị quan hệ khách hàng	010100150105	23ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G202	16:30	6	18/07/2025	2	31-60		
402	Quản trị quan hệ khách hàng	010100150106	23ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G302	16:30	6	18/07/2025	1	1-30		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
403	Quản trị quan hệ khách hàng	010100150106	23ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G304	16:30	6	18/07/2025	2	31-60		
404	Quản trị quan hệ khách hàng	010100150110	23ĐHQTKQ2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G204	16:30	6	18/07/2025	1	1-30		
405	Quản trị quan hệ khách hàng	010100150110	23ĐHQTKQ2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G307	16:30	6	18/07/2025	2	31-60		
406	Nguyên lý truyền thông	011100041701	20ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	11	H001	16:30	6	18/07/2025				Ghép phòng
407	Vận chuyển hàng hóa bằng container	030100147501	21CBTM01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	2	H001	16:30	6	18/07/2025				Ghép phòng
408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024401	24ĐHTT01; 24ĐHTT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	152	G113	7:30	2	04/08/2025	1	1-50		
409	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024401	24ĐHTT01; 24ĐHTT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	152	G203	7:30	2	04/08/2025	2	51-100		
410	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024401	24ĐHTT01; 24ĐHTT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	152	G204	7:30	2	04/08/2025	3	101-152		
411	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024403	24ĐHTT03; 24ĐHTT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	149	G207	7:30	2	04/08/2025	1	1-50		
412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024403	24ĐHTT03; 24ĐHTT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	149	G205	7:30	2	04/08/2025	2	51-100		
413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024403	24ĐHTT03; 24ĐHTT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	149	G303	7:30	2	04/08/2025	3	101-149		
414	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024405	24ĐHTT05; 24ĐHTT06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	149	G304	7:30	2	04/08/2025	1	1-50		
415	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024405	24ĐHTT05; 24ĐHTT06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	149	G406	7:30	2	04/08/2025	2	51-100		
416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024405	24ĐHTT05; 24ĐHTT06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	149	G407	7:30	2	04/08/2025	3	101-149		
417	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024406	24ĐHNL01; 24ĐHNL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G203	9:30	2	04/08/2025	1	1-50		
418	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024406	24ĐHNL01; 24ĐHNL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G204	9:30	2	04/08/2025	2	51-100		
419	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024406	24ĐHNL01; 24ĐHNL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G205	9:30	2	04/08/2025	3	101-150		
420	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024408	24ĐHNL03; 24ĐHNL04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	149	G207	9:30	2	04/08/2025	1	1-50		
421	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024408	24ĐHNL03; 24ĐHNL04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	149	G303	9:30	2	04/08/2025	2	51-100		
422	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024408	24ĐHNL03; 24ĐHNL04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	149	G304	9:30	2	04/08/2025	3	101-149		
423	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024409	24ĐHQT01; 24ĐHQT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G406	9:30	2	04/08/2025	1	1-60		
424	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024409	24ĐHQT01; 24ĐHQT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G407	9:30	2	04/08/2025	2	61-110		
425	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024409	24ĐHQT01; 24ĐHQT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G308	9:30	2	04/08/2025	3	111-150		
426	Aeronautical Telecommunications System	011100178601	24ĐAKL01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	51	G113	9:30	2	04/08/2025				
427	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024410	24ĐHQT03; 24ĐHQT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	143	G113	12:30	2	04/08/2025	1	1-50		
428	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024410	24ĐHQT03; 24ĐHQT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	143	G203	12:30	2	04/08/2025	2	51-100		
429	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024410	24ĐHQT03; 24ĐHQT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	143	G204	12:30	2	04/08/2025	3	101-143		
430	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024411	24ĐHQT05; 24ĐHQT06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G205	12:30	2	04/08/2025	1	1-50		
431	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024411	24ĐHQT05; 24ĐHQT06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G207	12:30	2	04/08/2025	2	51-100		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
432	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024411	24DHQT05; 24DHQT06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G303	12:30	2	04/08/2025	3	101-150		
433	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024412	24DHQT07; 24DHQT08	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G304	12:30	2	04/08/2025	1	1-50		
434	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024412	24DHQT07; 24DHQT08	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G407	12:30	2	04/08/2025	2	51-100		
435	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024412	24DHQT07; 24DHQT08	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G406	12:30	2	04/08/2025	3	101-150		
436	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024413	24DHNLO5; 24DHQT09	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G203	14:30	2	04/08/2025	1	1-50		
437	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024413	24DHNLO5; 24DHQT09	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G204	14:30	2	04/08/2025	2	51-100		
438	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024413	24DHNLO5; 24DHQT09	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G205	14:30	2	04/08/2025	3	101-150		
439	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024414	24DHKVC1; 24DHKVC2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	62	G201	14:30	2	04/08/2025	1	1-30		
440	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024414	24DHKVC1; 24DHKVC2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	62	G202	14:30	2	04/08/2025	2	31-63		
441	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024415	24ĐAKV01; 24ĐAQT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	148	G207	14:30	2	04/08/2025	1	1-50		
442	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024415	24ĐAKV01; 24ĐAQT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	148	G303	14:30	2	04/08/2025	2	51-100		
443	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024415	24ĐAKV01; 24ĐAQT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	148	G304	14:30	2	04/08/2025	3	101-148		
444	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024416	24DHKQ01; 24DHKVLĐ	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	48	G113	14:30	2	04/08/2025				
445	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024421	24DHDLKN; 24DHDLLH3	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G113	16:30	2	04/08/2025	1	1-50		
446	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024421	24DHDLKN; 24DHDLLH3	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G203	16:30	2	04/08/2025	2	51-100		
447	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024421	24DHDLKN; 24DHDLLH3	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G204	16:30	2	04/08/2025	3	101-150		
448	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024422	24DHKVLQ1; 24DHKVLQ2; 24DHKVLQ3	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G205	16:30	2	04/08/2025	1	1-50		
449	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024422	24DHKVLQ1; 24DHKVLQ2; 24DHKVLQ3	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G207	16:30	2	04/08/2025	2	51-100		
450	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024422	24DHKVLQ1; 24DHKVLQ2; 24DHKVLQ3	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G303	16:30	2	04/08/2025	3	101-150		
451	Chủ nghĩa xã hội khoa học	011100024403	24ĐAKL01; 24ĐHKT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	124	G304	16:30	2	04/08/2025	1	1-50		
452	Chủ nghĩa xã hội khoa học	011100024403	24ĐAKL01; 24ĐHKT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	124	G406	16:30	2	04/08/2025	2	51-100		
453	Chủ nghĩa xã hội khoa học	011100024403	24ĐAKL01; 24ĐHKT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	124	G201	16:30	2	04/08/2025	3	101-124		
454	Chủ nghĩa xã hội khoa học	011100024404	24ĐHKL01; 24ĐHKL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G113	7:30	3	05/08/2025	1	1-75		
455	Chủ nghĩa xã hội khoa học	011100024404	24ĐHKL01; 24ĐHKL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G203	7:30	3	05/08/2025	2	76-150		
456	Chủ nghĩa xã hội khoa học	011100024407	24ĐHXD01; 24ĐHXD02; 24ĐHXC1	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	149	G205	7:30	3	05/08/2025	1	1-50		
457	Chủ nghĩa xã hội khoa học	011100024407	24ĐHXD01; 24ĐHXD02; 24ĐHXC1	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	149	G207	7:30	3	05/08/2025	2	51-100		
458	Chủ nghĩa xã hội khoa học	011100024407	24ĐHXD01; 24ĐHXD02; 24ĐHXC1	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	149	G303	7:30	3	05/08/2025	3	101-149		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
459	Aircraft electronic & electrical technics	011100178801	24ĐAKL01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	48	G304	7:30	3	05/08/2025				
460	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074703	24ĐHNA03; 24ĐHNA04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	136	G113	9:30	3	05/08/2025	1	1-68		
461	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074703	24ĐHNA03; 24ĐHNA04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	136	G203	9:30	3	05/08/2025	2	69-136		
462	Luật thương mại QT	010100146601	24ĐHKVC1	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	64	G205	9:30	3	05/08/2025				
463	Luật thương mại QT	010100146602	24ĐHKVC2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	60	G406	9:30	3	05/08/2025				
464	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	011100033901	24ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	2	65	G204	9:30	3	05/08/2025				
465	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	011100033902	24ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	2	66	G303	9:30	3	05/08/2025				
466	Theoretical Mechanics	011100184601	24ĐAKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	31	G307	9:30	3	05/08/2025				Ghép phòng
467	Điện văn hành khách và hành lý	030100030001	20CĐTM01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	2	1	G307	9:30	3	05/08/2025				Ghép phòng
468	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074701	24ĐHNA01; 24ĐHNA02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	106	G203	12:30	3	05/08/2025	1	1-50		
469	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074701	24ĐHNA01; 24ĐHNA02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	106	G204	12:30	3	05/08/2025	2	51-106		
470	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074705	24ĐHNA05; 24ĐHNA06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G113	12:30	3	05/08/2025	1	1-50		
471	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074705	24ĐHNA05; 24ĐHNA06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G207	12:30	3	05/08/2025	2	51-100		
472	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074705	24ĐHNA05; 24ĐHNA06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	150	G205	12:30	3	05/08/2025	3	101-150		
473	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074707	24ĐHNA07; 24ĐHNA08	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	62	G201	12:30	3	05/08/2025	1	1-30		
474	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074707	24ĐHNA07; 24ĐHNA08	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	62	G202	12:30	3	05/08/2025	2	31-62		
475	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074709	24ĐAKT01; 24ĐHNA09	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	77	G303	12:30	3	05/08/2025	1	1-50		
476	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074709	24ĐAKT01; 24ĐHNA09	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	77	G304	12:30	3	05/08/2025	2	51-77		
477	Lý thuyết dịch	010100093406	24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	37	G301	14:30	3	05/08/2025				
478	Lý thuyết dịch	010100093407	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G204	14:30	3	05/08/2025				
479	Lý thuyết dịch	010100093408	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G303	14:30	3	05/08/2025				
480	Lý thuyết dịch	010100093409	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G304	14:30	3	05/08/2025				
481	Lý thuyết dịch	010100093410	24ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	38	G608	14:30	3	05/08/2025				
482	Lý thuyết dịch	010100093411	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G205	14:30	3	05/08/2025				
483	Lý thuyết dịch	010100093412	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G406	14:30	3	05/08/2025				
484	Quy tắc bay	011100031401	24ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	2	63	G201	14:30	3	05/08/2025	1	1-30		
485	Quy tắc bay	011100031401	24ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	2	63	G203	14:30	3	05/08/2025	2	31-63		
486	Quy tắc bay	011100031402	24ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	2	66	G202	14:30	3	05/08/2025	1	1-33		
487	Quy tắc bay	011100031402	24ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	2	66	G113	14:30	3	05/08/2025	2	34-66		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
488	Toán rời rạc	010100084601	24DHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	60	G205	16:30	3	05/08/2025				
489	Toán rời rạc	010100084602	24DHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	60	G406	16:30	3	05/08/2025				
490	Toán rời rạc	010100084603	24DHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	57	G201	16:30	3	05/08/2025	1	1-30		
491	Toán rời rạc	010100084603	24DHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	57	G202	16:30	3	05/08/2025	2	31-57		
492	Toán rời rạc	010100084604	24DHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	44	G113	16:30	3	05/08/2025				
493	Toán rời rạc	010100084605	24DHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	44	G203	16:30	3	05/08/2025				
494	Toán rời rạc	010100084606	24DHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	47	G204	16:30	3	05/08/2025				
495	Lý thuyết dịch	010100093401	24DHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G303	16:30	3	05/08/2025				
496	Lý thuyết dịch	010100093402	24DHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	32	G301	16:30	3	05/08/2025				
497	Lý thuyết dịch	010100093403	24DHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	38	G608	16:30	3	05/08/2025				
498	Lý thuyết dịch	010100093404	24DHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	34	G609	16:30	3	05/08/2025				
499	Lý thuyết dịch	010100093405	24DHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G304	16:30	3	05/08/2025				
500	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	010100001702	24DHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G205	7:30	4	06/08/2025				
501	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	010100001703	24DHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	61	G406	7:30	4	06/08/2025				
502	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	010100001704	24DHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	53	G113	7:30	4	06/08/2025				
503	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	010100001705	24DHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G302	7:30	4	06/08/2025	1	1-30		
504	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	010100001705	24DHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G504	7:30	4	06/08/2025	2	31-60		
505	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	010100001706	24DHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	58	G602	7:30	4	06/08/2025	1	1-30		
506	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	010100001706	24DHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	58	G601	7:30	4	06/08/2025	2	31-58		
507	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	010100001707	24DHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	23	G201	7:30	4	06/08/2025				
508	Kinh tế lượng	010100010901	24DHKVC1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	51	G203	7:30	4	06/08/2025				
509	Kinh tế lượng	010100010902	24DHKVC2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	61	G207	7:30	4	06/08/2025	1	1-30		
510	Kinh tế lượng	010100010902	24DHKVC2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	61	G303	7:30	4	06/08/2025	2	31-61		
511	Kinh tế lượng	010100010903	24DHKVLQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	59	G304	7:30	4	06/08/2025	1	1-30		
512	Kinh tế lượng	010100010903	24DHKVLQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	59	G407	7:30	4	06/08/2025	2	31-59		
513	Cơ học lý thuyết	011100135301	24DHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	66	G202	7:30	4	06/08/2025	1	1-33		
514	Cơ học lý thuyết	011100135301	24DHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	66	G204	7:30	4	06/08/2025	2	34-66		
515	Cơ học lý thuyết	011100135302	24DHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	66	G301	7:30	4	06/08/2025	1	1-33		
516	Cơ học lý thuyết	011100135302	24DHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	66	G307	7:30	4	06/08/2025	2	34-66		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
517	Cơ học lý thuyết	011100135303	24ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	66	G603	7:30	4	06/08/2025	1	1-33		
518	Cơ học lý thuyết	011100135303	24ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	66	G608	7:30	4	06/08/2025	2	34-66		
519	Kinh tế lượng	010100010904	24ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	60	G308	9:30	4	06/08/2025	1	1-30		
520	Kinh tế lượng	010100010904	24ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	60	G501	9:30	4	06/08/2025	2	31-60		
521	Kinh tế lượng	010100010905	24ĐHKVLĐ	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	53	G502	9:30	4	06/08/2025				
522	Kinh tế lượng	010100010906	24ĐHKVLQ3	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	59	G503	9:30	4	06/08/2025	1	1-30		
523	Kinh tế lượng	010100010906	24ĐHKVLQ3	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	59	G408	9:30	4	06/08/2025	2	31-59		
524	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	010100102001	24ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G303	9:30	4	06/08/2025				
525	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	010100102002	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G304	9:30	4	06/08/2025				
526	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	010100102003	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G406	9:30	4	06/08/2025				
527	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	010100102004	24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	39	G609	9:30	4	06/08/2025				
528	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	010100102005	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G608	9:30	4	06/08/2025				
529	Cơ sở hạ tầng Cảng hàng không	011100018102	24ĐHXDC1	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	23	G601	9:30	4	06/08/2025				Ghép phòng
530	Khí cụ điện	011100058601	24DHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	46	G203	9:30	4	06/08/2025				
531	Khí cụ điện	011100058602	24DHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	46	G204	9:30	4	06/08/2025				
532	Khí cụ điện	011100058603	24DHTĐ03	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	32	G602	9:30	4	06/08/2025				
533	Dẫn đường hàng không	011100082001	24ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	3	66	G207	9:30	4	06/08/2025				
534	Dẫn đường hàng không	011100082002	24ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	3	67	G113	9:30	4	06/08/2025				
535	Fundamental for Air Transport	011100178401	24ĐAKL01	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	51	G205	9:30	4	06/08/2025				
536	Technical Drawing	011100183701	24ĐAKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	2	31	G302	9:30	4	06/08/2025				
537	Dẫn đường hàng không	030100032301	23CĐKL01	Khoa Khai thác hàng không	Trắc nghiệm online	3	6	G601	9:30	4	06/08/2025				Ghép phòng
538	Địa lý và tài nguyên du lịch	010100165501	24ĐHDLLH1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	60	G406	12:30	4	06/08/2025				
539	Địa lý và tài nguyên du lịch	010100165503	24ĐHDLLH3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	30	G307	12:30	4	06/08/2025				
540	Kỹ năng giao tiếp trong dịch vụ	010100188901	24ĐHDLC1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	58	G205	12:30	4	06/08/2025				
541	Kỹ năng giao tiếp trong dịch vụ	010100188902	24ĐHDLC2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	40	G303	12:30	4	06/08/2025				
542	Kỹ năng giao tiếp trong dịch vụ	010100188903	24ĐHDLC3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	61	G201	12:30	4	06/08/2025	1	1-30		
543	Kỹ năng giao tiếp trong dịch vụ	010100188903	24ĐHDLC3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	61	G202	12:30	4	06/08/2025	2	31-61		
544	Kỹ năng giao tiếp trong dịch vụ	010100188904	24ĐHDLC4	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	46	G204	12:30	4	06/08/2025				
545	Hàng hóa	010100192803	24ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	54	G304	12:30	4	06/08/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
546	Hàng hóa	010100192805	24ĐHKVLD	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	37	G608	12:30	4	06/08/2025				
547	Hàng hóa	010100192806	24ĐHKVLQ3	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	50	G601	12:30	4	06/08/2025	1	1-25		
548	Hàng hóa	010100192806	24ĐHKVLQ3	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	50	G602	12:30	4	06/08/2025	2	26-50		
549	Điện và điện tử hàng không	011100063801	24ĐHKL01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	48	G207	12:30	4	06/08/2025				
550	Điện và điện tử hàng không	011100063802	24ĐHKL02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	66	G301	12:30	4	06/08/2025	1	1-33		
551	Điện và điện tử hàng không	011100063802	24ĐHKL02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	66	G302	12:30	4	06/08/2025	2	34-66		
552	Cơ học đất	011100115802	24ĐHXDC1	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	23	G504	12:30	4	06/08/2025				
553	Địa chất, cơ đất, nền móng	011100197502	24ĐHXD02	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	49	G113	12:30	4	06/08/2025				
554	Địa chất, cơ đất, nền móng	011100197503	24ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	22	G203	12:30	4	06/08/2025				
555	Hành vi tổ chức	010100044701	24ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G406	14:30	4	06/08/2025				
556	Hành vi tổ chức	010100044702	24ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G205	14:30	4	06/08/2025				
557	Hành vi tổ chức	010100044703	24ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	43	G113	14:30	4	06/08/2025				
558	Hành vi tổ chức	010100044704	24ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G504	14:30	4	06/08/2025	1	1-30		
559	Hành vi tổ chức	010100044704	24ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G601	14:30	4	06/08/2025	2	31-59		
560	Hành vi tổ chức	010100044705	24ĐHNL05	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G304	14:30	4	06/08/2025				
561	Hàng hóa	010100192802	24ĐHKVC2	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	59	G202	14:30	4	06/08/2025	1	1-30		
562	Hàng hóa	010100192802	24ĐHKVC2	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	59	G301	14:30	4	06/08/2025	2	31-59		
563	Hàng hóa	010100192804	24ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G201	14:30	4	06/08/2025	1	1-30		
564	Hàng hóa	010100192804	24ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G302	14:30	4	06/08/2025	2	31-60		
565	Lập trình hướng đối tượng	010100084801	24ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	22	G307	16:30	4	06/08/2025				
566	Lập trình hướng đối tượng	010100084802	24ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G201	16:30	4	06/08/2025	1	1-30		
567	Lập trình hướng đối tượng	010100084802	24ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G202	16:30	4	06/08/2025	2	31-60		
568	Lập trình hướng đối tượng	010100084803	24ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G301	16:30	4	06/08/2025	1	1-30		
569	Lập trình hướng đối tượng	010100084803	24ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G302	16:30	4	06/08/2025	2	31-60		
570	Lập trình hướng đối tượng	010100084804	24ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	50	G113	16:30	4	06/08/2025				
571	Lập trình hướng đối tượng	010100084805	24ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G203	16:30	4	06/08/2025	1	1-30		
572	Lập trình hướng đối tượng	010100084805	24ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G204	16:30	4	06/08/2025	2	31-60		
573	Lập trình hướng đối tượng	010100084806	24ĐHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	59	G205	16:30	4	06/08/2025				
574	Kỹ thuật lập trình	011100009501	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	35	G207	16:30	4	06/08/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
575	Kỹ thuật lập trình	011100009502	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	59	G406	16:30	4	06/08/2025				
576	Nghe - Nói 3	010100092405	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	7:30	5	07/08/2025	1			
577	Nghe - Nói 3	010100092405	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	7:30	5	07/08/2025	2			
578	Nghe - Nói 3	010100092405	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	7:30	5	07/08/2025	3			
579	Nghe - Nói 3	010100092405	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G604	7:30	5	07/08/2025	4			
580	Luật lao động	010100121201	24ĐHNL01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	33	G203	7:30	5	07/08/2025				
581	Luật lao động	010100121202	24ĐHNL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	47	G204	7:30	5	07/08/2025				
582	Luật lao động	010100121203	24ĐHNL03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	58	G307	7:30	5	07/08/2025	1	1-30		
583	Luật lao động	010100121203	24ĐHNL03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	58	G504	7:30	5	07/08/2025	2	31-58		
584	Luật lao động	010100121204	24ĐHNL04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	60	G201	7:30	5	07/08/2025	1	1-30		
585	Luật lao động	010100121204	24ĐHNL04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	60	G202	7:30	5	07/08/2025	2	31-60		
586	Luật lao động	010100121205	24ĐHNL05	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	60	G301	7:30	5	07/08/2025	1	1-30		
587	Luật lao động	010100121205	24ĐHNL05	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	60	G302	7:30	5	07/08/2025	2	31-60		
588	Quản trị chuỗi cung ứng	010100172201	24ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G205	7:30	5	07/08/2025				
589	Quản trị chuỗi cung ứng	010100172202	24ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	43	G303	7:30	5	07/08/2025				
590	Econometrics	010100173401	24ĐAKV01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	52	G113	7:30	5	07/08/2025				
591	Kinh tế du lịch	010100022401	24ĐHDLC1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G205	9:30	5	07/08/2025				
592	Kinh tế du lịch	010100022405	24ĐHDLLH1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Trắc nghiệm online	3	62	G406	9:30	5	07/08/2025				
593	Kinh tế du lịch	010100022406	24ĐHDLLH2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Trắc nghiệm online	3	58	G113	9:30	5	07/08/2025				
594	Kinh tế du lịch	010100022407	24ĐHDLLH3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Trắc nghiệm online	3	58	G204	9:30	5	07/08/2025				
595	Kinh tế du lịch	010100022408	24ĐHDLKN	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Trắc nghiệm online	3	44	G203	9:30	5	07/08/2025				
596	Nghe - Nói 3	010100092404	24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	9:30	5	07/08/2025	1			
597	Nghe - Nói 3	010100092404	24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	9:30	5	07/08/2025	2			
598	Nghe - Nói 3	010100092404	24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	9:30	5	07/08/2025	3			
599	Nghe - Nói 3	010100092404	24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G604	9:30	5	07/08/2025	4			
600	Information System In Logistics	010100190301	24ĐAKV01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	52	G201	9:30	5	07/08/2025	1	1-25		
601	Information System In Logistics	010100190301	24ĐAKV01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	52	G202	9:30	5	07/08/2025	2	26-52		
602	Cơ sở điều khiển tự động	011100014801	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	62	G301	9:30	5	07/08/2025	1	1-30		
603	Cơ sở điều khiển tự động	011100014801	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	62	G302	9:30	5	07/08/2025	2	31-62		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
604	Cơ sở điều khiển tự động	011100014802	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	62	G307	9:30	5	07/08/2025	1	1-30		
605	Cơ sở điều khiển tự động	011100014802	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	62	G407	9:30	5	07/08/2025	2	31-62		
606	Nghe - Nói 3	010100092403	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	30	G601	12:30	5	07/08/2025	1			
607	Nghe - Nói 3	010100092403	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	30	G602	12:30	5	07/08/2025	2			
608	Nghe - Nói 3	010100092403	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	30	G603	12:30	5	07/08/2025	3			
609	Nguyên lý thống kê	010100118402	24ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G205	12:30	5	07/08/2025				
610	Nguyên lý thống kê	010100118403	24ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G204	12:30	5	07/08/2025				
611	Nguyên lý thống kê	010100118404	24ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G303	12:30	5	07/08/2025				
612	Nguyên lý thống kê	010100118405	24ĐHNL05	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G406	12:30	5	07/08/2025				
613	Aviation Law	010100154201	24ĐAQT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	48	G203	12:30	5	07/08/2025				
614	Nguyên lý kế toán	011100010701	24ĐHXD01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	26	G201	12:30	5	07/08/2025				
615	Nguyên lý kế toán	011100010702	24ĐHXD02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	46	G113	12:30	5	07/08/2025				
616	Fluid Mechanics	011100184101	24ĐAKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	32	G608	12:30	5	07/08/2025				
617	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics)	010100055101	24ĐHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G204	14:30	5	07/08/2025				
618	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics)	010100055102	24ĐHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	61	G207	14:30	5	07/08/2025				
619	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics)	010100055103	24ĐHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G303	14:30	5	07/08/2025				
620	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics)	010100055105	24ĐHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	32	G307	14:30	5	07/08/2025				
621	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics)	010100055106	24ĐHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G406	14:30	5	07/08/2025				
622	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics)	010100055107	24ĐHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G304	14:30	5	07/08/2025				
623	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics)	010100055108	24ĐHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G407	14:30	5	07/08/2025				
624	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics)	010100055109	24ĐHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G205	14:30	5	07/08/2025				
625	Nghe - Nói 3	010100092402	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	14:30	5	07/08/2025	1			
626	Nghe - Nói 3	010100092402	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	14:30	5	07/08/2025	2			
627	Nghe - Nói 3	010100092402	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G605	14:30	5	07/08/2025	3			
628	Nghe - Nói 3	010100092402	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	14:30	5	07/08/2025	4			
629	Cơ học thủy khí	011100062001	24ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	68	G302	14:30	5	07/08/2025	1	1-30		
630	Cơ học thủy khí	011100062001	24ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	68	G113	14:30	5	07/08/2025	2	31-68		
631	Cơ học thủy khí	011100062002	24ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	68	G301	14:30	5	07/08/2025	1	1-30		
632	Cơ học thủy khí	011100062002	24ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	68	G203	14:30	5	07/08/2025	2	31-68		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
633	Cơ học thủy khí	011100062003	24ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	66	G202	14:30	5	07/08/2025	1	1-33		
634	Cơ học thủy khí	011100062003	24ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	66	G201	14:30	5	07/08/2025	2	34-66		
635	Quản trị Marketing	010100011901	24ĐHKQ01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	71	G113	16:30	5	07/08/2025	1	1-50		
636	Quản trị Marketing	010100011901	24ĐHKQ01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	71	G201	16:30	5	07/08/2025	2	51-71		
637	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics)	010100055110	24ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G202	16:30	5	07/08/2025	1	1-30		
638	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics)	010100055110	24ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G301	16:30	5	07/08/2025	2	31-60		
639	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics)	010100055111	24ĐHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	25	G302	16:30	5	07/08/2025				
640	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	010100132201	24ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G207	16:30	5	07/08/2025				
641	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	010100132202	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G407	16:30	5	07/08/2025				
642	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	010100132203	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	41	G406	16:30	5	07/08/2025				
643	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	010100132207	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G205	16:30	5	07/08/2025				
644	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	010100132208	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	33	G308	16:30	5	07/08/2025				
645	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	010100132211	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	22	G307	16:30	5	07/08/2025				
646	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	010100165301	24ĐHDLH1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	38	G203	16:30	5	07/08/2025				
647	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	010100165302	24ĐHDLH2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	37	G204	16:30	5	07/08/2025				
648	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	010100165303	24ĐHDLH3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	42	G303	16:30	5	07/08/2025				
649	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	010100165304	24ĐHDLKN	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	46	G304	16:30	5	07/08/2025				
650	Quản trị nhân lực	010100008201	24ĐHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G113	7:30	6	08/08/2025				
651	Quản trị nhân lực	010100008202	24ĐHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G204	7:30	6	08/08/2025				
652	Quản trị nhân lực	010100008203	24ĐHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G205	7:30	6	08/08/2025				
653	Quản trị nhân lực	010100008204	24ĐHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G203	7:30	6	08/08/2025				
654	Nghe - Nói 3	010100092412	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G601	7:30	6	08/08/2025	1			
655	Nghe - Nói 3	010100092412	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G602	7:30	6	08/08/2025	2			
656	Nghe - Nói 3	010100092412	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G603	7:30	6	08/08/2025	3			
657	Nghe - Nói 3	010100092412	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G604	7:30	6	08/08/2025	4			
658	Quản trị nhân lực	010100008205	24ĐHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	35	G202	9:30	6	08/08/2025				
659	Quản trị nhân lực	010100008206	24ĐHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G113	9:30	6	08/08/2025				
660	Quản trị nhân lực	010100008207	24ĐHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G203	9:30	6	08/08/2025				
661	Quản trị nhân lực	010100008208	24ĐHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G204	9:30	6	08/08/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
662	Quản trị nhân lực	010100008209	24ĐHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	42	G207	9:30	6	08/08/2025				
663	Quản trị tài chính	010100017103	24ĐHKQ01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	65	G205	9:30	6	08/08/2025				
664	Nghe - Nói 3	010100092413	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G604	9:30	6	08/08/2025	1			
665	Nghe - Nói 3	010100092413	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G602	9:30	6	08/08/2025	2			
666	Nghe - Nói 3	010100092413	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G603	9:30	6	08/08/2025	3			
667	Nghe - Nói 3	010100092413	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G608	9:30	6	08/08/2025	4			
668	Human Resources Management	010100153101	24ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	47	G303	9:30	6	08/08/2025				
669	Transport Economics & Logistics	010100172701	24ĐAKV01	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	52	G304	9:30	6	08/08/2025				
670	Vẽ kỹ thuật	011100067301	24ĐHKT01	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	67	G301	9:30	6	08/08/2025	1	1-33		
671	Vẽ kỹ thuật	011100067301	24ĐHKT01	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	67	G201	9:30	6	08/08/2025	2	34-67		
672	Vẽ kỹ thuật	011100067302	24ĐHKT02	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	66	G302	9:30	6	08/08/2025	1	1-33		
673	Vẽ kỹ thuật	011100067302	24ĐHKT02	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	66	G307	9:30	6	08/08/2025	2	34-66		
674	Vẽ kỹ thuật	011100067303	24ĐHKT03	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	67	G504	9:30	6	08/08/2025	1	1-33		
675	Vẽ kỹ thuật	011100067303	24ĐHKT03	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	67	G601	9:30	6	08/08/2025	2	34-67		
676	Nghe - Nói 3	010100092414	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	12:30	6	08/08/2025	1			
677	Nghe - Nói 3	010100092414	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	12:30	6	08/08/2025	2			
678	Nghe - Nói 3	010100092414	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	12:30	6	08/08/2025	3			
679	Nghe - Nói 3	010100092414	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G604	12:30	6	08/08/2025	4			
680	Tiếng Anh 2	010100109501	24ĐHTT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	35	G113	12:30	6	08/08/2025				Ghép phòng
681	Tiếng Anh 2	010100109503	24ĐHTT03	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	41	G203	12:30	6	08/08/2025				
682	Tiếng Anh 2	010100109506	24ĐHNL01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G204	12:30	6	08/08/2025				
683	International Business	010100155401	24ĐAQT01	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	45	G303	12:30	6	08/08/2025				
684	Tiếng Anh 2	011100109502	24ĐHTĐ01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G304	12:30	6	08/08/2025				
685	Tiếng Anh 2	011100109503	24ĐHKT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	38	G205	12:30	6	08/08/2025				
686	Tiếng Anh	030100059701	21CBAN01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	5	1	G113	12:30	6	08/08/2025				Ghép phòng
687	Toán chuyên đề	010100008701	24ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	61	G201	14:30	6	08/08/2025	1	1-30		
688	Toán chuyên đề	010100008701	24ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	61	G202	14:30	6	08/08/2025	2	31-61		
689	Toán chuyên đề	010100008702	24ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	61	G203	14:30	6	08/08/2025	1	1-30		
690	Toán chuyên đề	010100008702	24ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	61	G204	14:30	6	08/08/2025	2	31-61		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
691	Toán chuyên đề	010100008703	24DHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G303	14:30	6	08/08/2025	1	1-30		
692	Toán chuyên đề	010100008703	24DHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G304	14:30	6	08/08/2025	2	31-60		
693	Toán chuyên đề	010100008704	24DHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	41	G113	14:30	6	08/08/2025				
694	Toán chuyên đề	010100008705	24DHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G207	14:30	6	08/08/2025	1	1-30		
695	Toán chuyên đề	010100008705	24DHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G301	14:30	6	08/08/2025	2	31-60		
696	Toán chuyên đề	010100008706	24DHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	59	G302	14:30	6	08/08/2025	1	1-30		
697	Toán chuyên đề	010100008706	24DHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	59	G307	14:30	6	08/08/2025	2	31-59		
698	Nghe - Nói 3	010100092411	24DHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	14:30	6	08/08/2025	1			
699	Nghe - Nói 3	010100092411	24DHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	14:30	6	08/08/2025	2			
700	Nghe - Nói 3	010100092411	24DHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G604	14:30	6	08/08/2025	3			
701	Nghe - Nói 3	010100092411	24DHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	14:30	6	08/08/2025	4			
702	Toán chuyên đề	011100008702	24DHĐT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	56	G205	14:30	6	08/08/2025				
703	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000101	24DHNA01	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G113	16:30	6	08/08/2025	1	1-30		
704	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000101	24DHNA01	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G203	16:30	6	08/08/2025	2	31-60		
705	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000102	24DHNA02	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	57	G302	16:30	6	08/08/2025	1	1-30		
706	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000102	24DHNA02	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	57	G307	16:30	6	08/08/2025	2	31-57		
707	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000103	24DHNA03	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	59	G604	16:30	6	08/08/2025	1	1-30		
708	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000103	24DHNA03	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	59	G605	16:30	6	08/08/2025	2	31-59		
709	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000104	24DHNA04	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	61	G204	16:30	6	08/08/2025	1	1-30		
710	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000104	24DHNA04	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	61	G504	16:30	6	08/08/2025	2	31-61		
711	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000106	24DHNA06	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G406	16:30	6	08/08/2025				
712	Tổng quan về Hàng không dân dụng	011100000101	24DHĐT01	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	25	G201	16:30	6	08/08/2025				
713	Tổng quan về Hàng không dân dụng	011100000102	24DHĐT02	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	26	G202	16:30	6	08/08/2025				
714	Tổng quan về Hàng không dân dụng	011100000104	24DHTĐ02	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	58	G205	16:30	6	08/08/2025				
715	Tổng quan về Hàng không dân dụng	011100000105	24DHTĐ03	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	27	G301	16:30	6	08/08/2025				
716	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000117	24DHQT08	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G301	7:30	2	11/08/2025	1	1-30		
717	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000117	24DHQT08	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G302	7:30	2	11/08/2025	2	31-60		
718	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017701	24DHQT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	60	G406	7:30	2	11/08/2025				
719	Nghe - Nói 3	010100092409	24DHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	7:30	2	11/08/2025	1			

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
720	Nghe - Nói 3	010100092409	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	7:30	2	11/08/2025	2			
721	Nghe - Nói 3	010100092409	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	7:30	2	11/08/2025	3			
722	Nghe - Nói 3	010100092409	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G604	7:30	2	11/08/2025	4			
723	Thống kê ứng dụng trong du lịch	010100194603	24ĐHDLLH2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	46	G205	7:30	2	11/08/2025				
724	Thống kê ứng dụng trong du lịch	010100194605	24ĐHDLLH3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	19	G202	7:30	2	11/08/2025				
725	Toán cao cấp A2	011100001101	19ĐHĐT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận	3	3	G201	7:30	2	11/08/2025				Ghép phòng
726	Cơ học kết cấu 1	011100115202	24ĐHXDC1	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	23	G201	7:30	2	11/08/2025				Ghép phòng
727	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000105	24ĐHNA05	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G203	9:30	2	11/08/2025				
728	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000107	24ĐHNA07	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G303	9:30	2	11/08/2025				
729	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000108	24ĐHNA08	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	33	G202	9:30	2	11/08/2025				
730	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000109	24ĐHNA09	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	46	G113	9:30	2	11/08/2025				
731	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000115	24ĐHQT06	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	59	G205	9:30	2	11/08/2025				
732	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000118	24ĐHQT09	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	30	G201	9:30	2	11/08/2025				
733	Nghe - Nói 3	010100092408	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	9:30	2	11/08/2025	1			
734	Nghe - Nói 3	010100092408	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	9:30	2	11/08/2025	2			
735	Nghe - Nói 3	010100092408	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	9:30	2	11/08/2025	3			
736	Nghe - Nói 3	010100092408	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G604	9:30	2	11/08/2025	4			
737	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000110	24ĐHQT01	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G201	12:30	2	11/08/2025	1	1-30		
738	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000110	24ĐHQT01	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G202	12:30	2	11/08/2025	2	31-60		
739	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000111	24ĐHQT02	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	49	G204	12:30	2	11/08/2025				
740	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000113	24ĐHQT04	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	58	G113	12:30	2	11/08/2025				
741	Nghe - Nói 3	010100092407	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	12:30	2	11/08/2025	1			
742	Nghe - Nói 3	010100092407	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	12:30	2	11/08/2025	2			
743	Nghe - Nói 3	010100092407	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	12:30	2	11/08/2025	3			
744	Nghe - Nói 3	010100092407	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G604	12:30	2	11/08/2025	4			
745	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000112	24ĐHQT03	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	45	G203	14:30	2	11/08/2025				
746	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000114	24ĐHQT05	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	58	G113	14:30	2	11/08/2025				
747	Nghe - Nói 3	010100092406	24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	14:30	2	11/08/2025	1			
748	Nghe - Nói 3	010100092406	24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	14:30	2	11/08/2025	2			

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
749	Nghe - Nói 3	010100092406	24DHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	14:30	2	11/08/2025	3			
750	Nghe - Nói 3	010100092406	24DHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G604	14:30	2	11/08/2025	4			
751	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080801	24DHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	60	G205	7:30	3	12/08/2025				
752	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080802	24DHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	59	G406	7:30	3	12/08/2025				
753	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080803	24DHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	59	G201	7:30	3	12/08/2025	1	1-30		
754	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080803	24DHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	59	G202	7:30	3	12/08/2025	2	31-59		
755	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080804	24DHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	57	G301	7:30	3	12/08/2025	1	1-30		
756	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080804	24DHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	57	G302	7:30	3	12/08/2025	2	31-57		
757	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080807	24DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	56	G307	7:30	3	12/08/2025	1	1-30		
758	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080807	24DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	56	G504	7:30	3	12/08/2025	2	1-56		
759	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080808	24DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	59	G601	7:30	3	12/08/2025	1	1-30		
760	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080808	24DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	59	G602	7:30	3	12/08/2025	2	31-59		
761	Marketing Management	010100153201	24DAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	43	G113	7:30	3	12/08/2025				
762	Quản trị logistics	010100163301	24DHKQ01	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	43	G203	7:30	3	12/08/2025				
763	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080809	24DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	60	G301	9:30	3	12/08/2025	1	1-30		
764	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080809	24DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	60	G302	9:30	3	12/08/2025	2	31-60		
765	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080810	24DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	60	G307	9:30	3	12/08/2025	1	1-30		
766	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080810	24DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	60	G203	9:30	3	12/08/2025	2	31-60		
767	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080811	24DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	60	G204	9:30	3	12/08/2025	1	1-30		
768	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080811	24DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	60	G504	9:30	3	12/08/2025	2	31-60		
769	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080812	24DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	59	G605	9:30	3	12/08/2025	1	1-30		
770	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080812	24DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	59	G303	9:30	3	12/08/2025	2	31-59		
771	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080813	24DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	60	G304	9:30	3	12/08/2025	1	1-30		
772	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080813	24DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	60	G205	9:30	3	12/08/2025	2	31-60		
773	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010100080814	24DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	25	G202	9:30	3	12/08/2025				
774	Nghe - Nói 3	010100092401	24DHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	9:30	3	12/08/2025	1			
775	Nghe - Nói 3	010100092401	24DHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	9:30	3	12/08/2025	2			
776	Nghe - Nói 3	010100092401	24DHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	9:30	3	12/08/2025	3			
777	Nghe - Nói 3	010100092401	24DHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G604	9:30	3	12/08/2025	4			

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
778	Cơ học kết cấu	011100197402	24ĐHXD02	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	49	G113	9:30	3	12/08/2025				
779	Cơ học kết cấu	011100197403	24ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	25	G201	9:30	3	12/08/2025				
780	Độc - Viết 3	010100092901	24ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	37	G202	12:30	3	12/08/2025				
781	Độc - Viết 3	010100092902	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G204	12:30	3	12/08/2025				
782	Độc - Viết 3	010100092903	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G113	12:30	3	12/08/2025				
783	Độc - Viết 3	010100092904	24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G303	12:30	3	12/08/2025				
784	Độc - Viết 3	010100092905	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	39	G301	12:30	3	12/08/2025	1	1-20		
785	Độc - Viết 3	010100092905	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	39	G302	12:30	3	12/08/2025	2	21-39		
786	Độc - Viết 3	010100092906	24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G304	12:30	3	12/08/2025				
787	Độc - Viết 3	010100092907	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G608	12:30	3	12/08/2025				
788	Độc - Viết 3	010100092909	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G203	12:30	3	12/08/2025				
789	Độc - Viết 3	010100092910	24ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G307	12:30	3	12/08/2025	1	1-20		
790	Độc - Viết 3	010100092910	24ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G504	12:30	3	12/08/2025	2	21-40		
791	Độc - Viết 3	010100092911	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G601	12:30	3	12/08/2025	1	1-20		
792	Độc - Viết 3	010100092911	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G602	12:30	3	12/08/2025	2	21-40		
793	Độc - Viết 3	010100092912	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G603	12:30	3	12/08/2025	1	1-20		
794	Độc - Viết 3	010100092912	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G605	12:30	3	12/08/2025	2	21-40		
795	Độc - Viết 3	010100092913	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G205	12:30	3	12/08/2025				
796	Độc - Viết 3	010100092914	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G406	12:30	3	12/08/2025				
797	Độc - Viết 3	010100092915	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	28	G201	12:30	3	12/08/2025				
798	Kinh tế vận tải & Logistics	010100172002	24ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	59	G205	14:30	3	12/08/2025				
799	Kinh tế vận tải & Logistics	010100172003	24ĐHKVLĐ	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	54	G406	14:30	3	12/08/2025				
800	Kinh tế vận tải & Logistics	010100172004	24ĐHKVLQ3	Khoa Kinh tế hàng không	Trắc nghiệm online	3	41	G113	14:30	3	12/08/2025				
801	Quản trị sự kiện	010100198005	24ĐHDLC1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	2	60	G201	14:30	3	12/08/2025	1	1-30		
802	Quản trị sự kiện	010100198005	24ĐHDLC1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	2	60	G202	14:30	3	12/08/2025	2	31-60		
803	Quản trị sự kiện	010100198006	24ĐHDLC2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	2	60	G302	14:30	3	12/08/2025	1	1-30		
804	Quản trị sự kiện	010100198006	24ĐHDLC2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	2	60	G307	14:30	3	12/08/2025	2	31-60		
805	Quản trị sự kiện	010100198007	24ĐHDLC3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	2	42	G203	14:30	3	12/08/2025				
806	Quản trị sự kiện	010100198008	24ĐHDLC4	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	2	38	G204	14:30	3	12/08/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
807	Lý thuyết mạch 2	011100009301	24DHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	45	G207	14:30	3	12/08/2025				
808	Lý thuyết mạch 2	011100009302	24DHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	48	G303	14:30	3	12/08/2025				
809	Lý thuyết mạch 2	011100009303	24DHTĐ03	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	49	G304	14:30	3	12/08/2025				
810	Marketing du lịch	010100021407	24DHDLKN	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	60	G201	16:30	3	12/08/2025	1	1-30		
811	Marketing du lịch	010100021407	24DHDLKN	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	60	G202	16:30	3	12/08/2025	2	31-60		
812	Kinh tế vận tải hàng không	010100046201	24DHDLC3	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	50	G113	16:30	3	12/08/2025				
813	Kinh tế vận tải hàng không	010100046203	24DHDLC4	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	57	G301	16:30	3	12/08/2025	1	1-30		
814	Kinh tế vận tải hàng không	010100046203	24DHDLC4	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	57	G302	16:30	3	12/08/2025	2	31-57		
815	Introduction to Research Methods	010100152801	24DAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	48	G203	16:30	3	12/08/2025				
816	Hệ thống thông tin Logistics	010100172501	24DHKVLĐ	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	38	G204	16:30	3	12/08/2025				
817	Sức bền vật liệu 2	011100115302	24DHXDC1	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	22	G307	16:30	3	12/08/2025				
818	Lập trình Windows	010100085301	23DHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Báo cáo	3	59								Theo lịch của khoa
819	Lập trình Windows	010100085302	23DHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Báo cáo	3	25								Theo lịch của khoa
820	Lập trình Windows	010100085303	23DHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Báo cáo	3	20								Theo lịch của khoa
821	Lập trình thiết bị di động	010100085501	23DHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Báo cáo	3	50								Theo lịch của khoa
822	Lập trình thiết bị di động	010100085502	23DHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Báo cáo	3	59								Theo lịch của khoa
823	Lập trình thiết bị di động	010100085503	23DHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Báo cáo	3	64								Theo lịch của khoa
824	Lập trình thiết bị di động	010100085504	23DHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Báo cáo	3	50								Theo lịch của khoa
825	Lập trình thiết bị di động	010100085505	23DHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Báo cáo	3	59								Theo lịch của khoa
826	Trí tuệ nhân tạo	010100085801	23DHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Báo cáo	3	59								Theo lịch của khoa
827	Trí tuệ nhân tạo	010100085802	23DHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Báo cáo	3	60								Theo lịch của khoa
828	Trí tuệ nhân tạo	010100085803	23DHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Báo cáo	3	60								Theo lịch của khoa
829	Trí tuệ nhân tạo	010100085804	23DHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Báo cáo	3	32								Theo lịch của khoa
830	Trí tuệ nhân tạo	010100085805	23DHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Báo cáo	3	23								Theo lịch của khoa
831	Lập trình Game	010100086501	23DHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Báo cáo	3	57								Theo lịch của khoa
832	Lập trình Game	010100086502	23DHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Báo cáo	3	19								Theo lịch của khoa
833	Marketing dịch vụ	010100189002	24DHDLC2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Báo cáo	3	67								Theo lịch của khoa
834	Marketing dịch vụ	010100189003	24DHDLC3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Báo cáo	3	63								Theo lịch của khoa
835	Marketing dịch vụ	010100189004	24DHDLC4	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Báo cáo	3	61								Theo lịch của khoa

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
836	Đồ án môn học 2	011100006702	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	19								Theo lịch của khoa
837	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	011100015001	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	2	30								Theo lịch của khoa
838	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	011100015002	23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	2	31								Theo lịch của khoa
839	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	011100043301	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	41								Theo lịch của khoa
840	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	011100043401	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	43								Theo lịch của khoa
841	Thực tập cơ bản	011100065101	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Thực hành	3	60								Theo lịch của khoa
842	Thực tập cơ bản	011100065102	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Thực hành	3	30								Theo lịch của khoa
843	Thực tập cơ bản	011100065103	23ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Thực hành	3	58								Theo lịch của khoa
844	Chuyên đề 2 -ĐTVT	011100073102	22ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	64								Theo lịch của khoa
845	Chuyên đề 2 -ĐTVT	011100073103	22ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	10								Theo lịch của khoa
846	Thực hành bảo dưỡng tàu bay 2	011100074001	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Thực hành	5	50								Theo lịch của khoa
847	Thực hành bảo dưỡng tàu bay 2	011100074002	22ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Thực hành	5	31								Theo lịch của khoa
848	Trí tuệ nhân tạo	011100085801	22ĐHĐT01	Khoa Công nghệ thông tin	Báo cáo	3	64								Theo lịch của khoa
849	Máy học	011100086701	22ĐHĐT02	Khoa Công nghệ thông tin	Báo cáo	3	33								Theo lịch của khoa
850	Thực hành máy điện	011100089201	24ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	1	29								Theo lịch của khoa
851	Thực hành máy điện	011100089202	24ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	1	28								Theo lịch của khoa
852	Thực hành máy điện	011100089203	24ĐHTĐ03	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	1	29								Theo lịch của khoa
853	Thực hành máy điện	011100089204	24ĐHTĐ03	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	1	29								Theo lịch của khoa
854	Hệ thống điều khiển số	011100090301	22ĐHTĐ01; 22ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	59								Theo lịch của khoa
855	Mobile Robot	011100090401	22ĐHTĐ01; 22ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	59								Theo lịch của khoa
856	Kỹ thuật điều khiển thủy khí tàu bay	011100091201	22ĐHTĐ01; 22ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	49								Theo lịch của khoa
857	Chuyên đề 2 (TĐH HK)	011100091401	22ĐHTĐ01; 22ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	57								Theo lịch của khoa
858	Thực hành điện tử số	011100091801	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	1	40								Theo lịch của khoa
859	Thực hành điện tử số	011100091802	23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	1	24								Theo lịch của khoa
860	Trí tuệ nhân tạo	011100117301	24ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	66								Theo lịch của khoa
861	Trí tuệ nhân tạo	011100117302	24ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	66								Theo lịch của khoa
862	Trí tuệ nhân tạo	011100117303	24ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	38								Theo lịch của khoa
863	Công nghệ Vi điện tử	011100140101	22ĐHĐT01; 22ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	66								Theo lịch của khoa
864	Thiết bị và hệ thống tự động	011100142202	23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	54								Theo lịch của khoa

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
865	Điều khiển thông minh	011100156601	22ĐHTĐ01; 22ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	59								Theo lịch của khoa
866	Kiến trúc công trình	011100170701	23ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Báo cáo	2	16								Theo lịch của khoa
867	Research and Presentation	011100178501	24ĐAKL01	Khoa Xây dựng	Báo cáo	3	51								Theo lịch của khoa
868	Artificial Intelligence	011100185101	24ĐAKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	32								Theo lịch của khoa
869	Động cơ Piston	030100053801	23CĐCK01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	1								Theo lịch của khoa
870	Động cơ và hệ thống tàu bay	030100062801	20CĐKL01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	3	1								Theo lịch của khoa

Lập lịch thi



Dương Gia Bảo

Thành phố Hồ Chí Minh , ngày 27 tháng 06 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Trần Thiện Lưu